

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt;  
2. Ông Võ Thành Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh **PNT**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có mặt).

\* Bị đơn: Chị **LTN**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh **PNT** trình bày như sau:

Anh và chị **LTN** tự tìm hiểu và tiến tới kết hôn với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/9/2015. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị LTN.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung tên PLK, sinh ngày 29/3/2014 (hiện nay đang sống với anh) và PNXXN, sinh ngày 04/6/2019 (hiện nay đang sống với chị N và ông bà ngoại). Nếu ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và đồng ý giao cháu Ng cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ chị N đến để tiến hành hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị N vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T được ly hôn với chị N. Về con chung: Giao cháu PLK, sinh ngày 29/3/2014 cho anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu PNXXN, sinh ngày 04/6/2019 cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh T và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi Ngén cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị LTN (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/9/2015 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn, anh T yêu cầu ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, anh T cho rằng do tính tình vợ chồng không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Thời gian ly thân, chị N không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc anh cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập chị N để tham gia phiên hòa giải nhưng chị N cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T thể hiện chị N không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị N thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị N.

[2.2] Về con chung:

Anh T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung tên PLK, sinh ngày 29/3/2014 (hiện nay đang sống với anh) và PNXX, sinh ngày 04/6/2019 (hiện nay đang sống với chị N và ông bà ngoại). Xét thấy, anh T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, cháu K hiện nay đang sống với anh T và cháu K cũng có nguyện vọng được sống với anh T; còn cháu Ng hiện nay đang sống với chị N, anh T đồng ý giao cháu Ng cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K và cháu Ng, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Ng cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh T, chị N phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa anh T và chị N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí anh T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh PNT.

\* Về hôn nhân: Anh PNT được ly hôn với chị LTN.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 143/KH, quyền số 01/2015, ngày 14/9/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho anh PNT và chị LTN không còn giá trị pháp lý).

\* Về con chung: Giao con chung tên PLK, sinh ngày 29/3/2014 cho anh PNT được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con chung tên PNXXN, sinh ngày 04/6/2019 cho chị LTN được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T, chị N không có

yêu cầu.

Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa anh T và chị N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh PNT phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008901 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị LTN không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch,
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**